DANH SÁCH

Công chức, viên chức chính thức được cử ra làm việc

tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 646 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ				Chức vụ, đơn vị công tác	Ngạch công chức	Thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực	Thời hạn làm việc tại Trung tâm	Ghi chú
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*8*	*10*	*11*	*12*	*13*
I	**Sở Công thương**											
1	Nông Tuấn Anh	18/9/1988		Đại học	Tin học ứng dụng; kế toán	B1 Châu Âu	Kỹ sư	Chuyên viên Văn phòng Sở	01.003	08 năm	10 tháng	
II	**Sở Nông nghiệp và Môi trường**											
2	Vi Thị Thúy		21/3/1987	Kỹ sư	Công nghệ thông tin	Anh B1		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	V.05.02.08	14 năm 02 tháng	10 tháng	
3	Nguyễn Thị Yến		7/8/1981	Đại học	Nông học	Anh C	UDCNTTCB	Viên chức Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	V.03.01.02	18 năm 02 tháng	06 tháng	Hỗ trợ, phối hợp hướng dẫn tiếp nhận tiếp nhận các TTHC cho đến khi ổn định tổ chức, bộ máy
III	**Sở Tài chính**											
4	Dương Thị Hòa		20/10/1989	Đại học	Tài chính-Ngân hàng	Anh C	UDCNTTCB	Chuyên viên Phòng đăng ký kinh doanh	01.003	04 năm	10 tháng	
IV	**Sở Y tế**											
5	Hoàng Hải Yến		3/5/1988	Đại học	Dược sỹ	Anh B	B	Chuyên viên phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế	01.003	10 năm	10 tháng	
V	**Sở Khoa học và Công nghệ**											
6	Lâm Mai Tùng		15/4/1977	Thạc sỹ	Công nghệ sinh học	Anh C	B	Chuyên viên, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	01.003	13 năm	10 tháng	
VI	**Sở Nội vụ**											
7	Vy Thị Hoàng Linh		09/11/1985	Đại học	Quản trị Văn phòng	Anh B1	B	Chuyên viên phòng Quản lý Văn thư, lưu trữ	01.003	14 năm 11 tháng	10 tháng	
VII	**Sở Tư pháp**											
8	Vi Thị Tâm		20/01/1997	Đại học	Luật học	Anh B1	UDCNTTCB	Chuyên viên Phòng hành chính tư pháp và Bổ trợ tư pháp	01.003	03 năm 02 tháng	10 tháng	
VIII	**Sở Xây dựng**											
9	Vũ Châu Khánh	13/5/1985		Đại học	Khoa học máy tính	Anh B		Viên chức thanh tra sở	V.05.02.07	12 năm	10 tháng	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ				Chức vụ, đơn vị công tác	Ngạch công chức	Thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực	Thời hạn làm việc tại Trung tâm	Ghi chú
		Nam	Nữ	*Trình độ chuyên môn*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Ngoại ngữ*	*Tin học*					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*8*	*10*	*11*	*12*	*13*
10	Chu Huyền Trang		1/11/1990	Đại học	Cử nhân Luật	Anh B	B	Thanh tra viên, Thanh tra sở	04.025	09 năm	10 tháng	
IX	**Sở Giáo dục và Đào tạo**											
11	Trương Quỳnh Liễu		20/5/1985	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh Bậc 2	Đại học	Giảng viên, Trường CĐSP Lạng Sơn	V.07.08.22	14 năm	10 tháng	

Danh sách này ấn định: 11 người./.

DANH SÁCH

Công chức, viên chức dự phòng được cử ra làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 646 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ				Chức vụ, đơn vị công tác	Ngạch công chức	Thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực	Thời hạn làm việc tại Trung tâm	Ghi chú
		Nam	Nữ	*Trình độ chuyên môn*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Ngoại ngữ*	*Tin học*					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
I	**Sở Công thương**											
1	Đỗ Văn Ninh	16/10/1989		Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	UDCN TTCB	Chuyên viên Văn phòng sở	01.003	10 năm	10 tháng	
II	**Sở Nông nghiệp và Môi trường**											
2	Hoàng Quốc Việt	13/3/1989		Thạc sỹ	Quản lý đất đai	Anh B	B	Viên chức Trung tâm Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	V.06.01.02	11 năm 06 tháng	10 tháng	
3	Hoàng Xuân Hiền	7/11/1986		Đại học	Bảo vệ thực vật	Anh B	B	Viên chứcTrung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	V.03.01.02	13 năm 02 tháng	10 tháng	
III	**Sở Tài chính**											
4	Lưu Thị Vân Anh		3/6/1984	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	Anh B	B	Chuyên viên Phòng Đăng ký kinh doanh	01.003	09 năm	10 tháng	
5	Nguyễn Hồng Hạnh		28/11/1986	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Anh B	B	Chuyên viên Phòng Đăng ký kinh doanh	01.003	15 năm	10 tháng	
6	Lục Văn Bình	01/9/1989		Đại học	Lâm nghiệp	Anh B1	UDCN TTCB	Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	01.003	03 năm	10 tháng	
IV	**Sở Y tế**											
7	Hoàng Thị Tươi		27/5/1985	Cử nhân	Xét nghiệm	Anh B	UDCN TTCB	Viên chức Trung tâm Giám định Y khoa	02.008	15 năm	10 tháng	
V	**Sở Khoa học và Công nghệ**											
8	Lộc Mỹ Ngân		01/5/1986	Đại học	Toán tin	Anh A1	ĐH	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo Lường chất lượng	01.003	13 năm	10 tháng	
VI	**Sở Nội vụ**											
9	Từ Như Hạnh		12/9/1984	Thạc sỹ	Sư phạm vật lý kỹ thuật	Cử nhân	B1 (Bậc 3)	Chuyên viên, Phòng thi đua, khen thưởng	01.003	01 năm 4 tháng	10 tháng	
VII	**Sở Tư pháp**											

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ				Chức vụ, đơn vị công tác	Ngạch công chức	Thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực	Thời hạn làm việc tại Trung tâm	Ghi chú
		Nam	Nữ	*Trình độ chuyên môn*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Ngoại ngữ*	*Tin học*					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
10	Lương Thị Hoài		17/9/1990	Đại học	Hành chính học, Luật	Anh B	A	Chuyên viên phòng Hành chính tư pháp và Bổ trợ tư pháp	01.003	10 năm 11 tháng	10 tháng	
VIII	**Sở Xây dựng**											
11	Nông Văn Chăn	21/10/1979		Đại học	Kỹ sư Giao thông	Anh C	C	Chuyên viên Phòng Quản lý xây dựng	01.003	12 năm	10 tháng	
12	Đinh Kim Hạnh		19/8/1988	Thạc sỹ	Luật	C	C	Thanh tra viên, Thanh tra Sở Xây dựng	04.025	12 năm	10 tháng	
13	Vy Văn Quản	08/01/1983		Đại học	Đại học Luật; CN tin học	Anh B	CN	Chuyên viên Văn phòng Sở	01.003	15 năm	10 tháng	
14	Nguyễn Thị Hương Trà		29/6/1987	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Anh C	B	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, An toàn giao thông	01.003	13 năm	10 tháng	
15	Bế Hà Ngân		13/12/1989	Thạc sỹ	Thạc sỹ quản lý kinh tế	Anh C	A	Chuyên viên Văn phòng Sở	01.003	13 năm	10 tháng	
IX	**Sở Giáo dục và Đào tạo**											
16	Hoàng Thị Nhâm		06/12/1977	Đại học	Sư phạm toán	Anh Bậc 1	UDCN TTCB	Giảng viên, Trường CĐSP Lạng Sơn	V.07.08.22	25 năm	10 tháng	

Danh sách này ấn định: 16 người./.